



Số: 1505/BCT-ĐCK

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026

V/v tham gia ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương

Kính gửi:

- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).

Thực hiện Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030; căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ), Thông tư số 47/2025/TT-BCT ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương, Bộ Công Thương đã hoàn thành xây dựng hồ sơ dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương (gọi tắt là Dự thảo Thông tư).

Để có cơ sở hoàn thiện, ban hành Dự thảo Thông tư theo quy định, Bộ Công Thương trân trọng đề nghị Quý cơ quan nghiên cứu, góp ý bằng văn bản đối với hồ sơ Dự thảo Thông tư và gửi về Bộ Công Thương (Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công - Số 54 Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội) **trước ngày 15 tháng 3 năm 2026.**

Hồ sơ Dự thảo Thông tư kèm theo: (1) Dự thảo Tờ trình, (2) Dự thảo Thông tư, (3) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công

nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong dự thảo Thông tư; (4) Bản so sánh, thuyết minh dự thảo Thông tư với văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Rất mong nhận được sự quan tâm, phối hợp chặt chẽ của Quý Cơ quan./.

Chi tiết xin liên hệ: Bà Nguyễn Thị Hương, Phó Trưởng phòng Phát triển cụm công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp, Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công, điện thoại: 0983208459; Email: huongngth@moit.gov.vn.

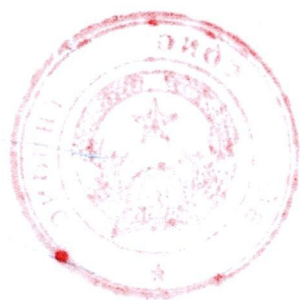
Nơi nhận:

- Như trên;
- Quyền Bộ trưởng (để b/c);
- Các Cục: DL, TTTN, TMĐT;
- Vụ Pháp chế;
- Văn phòng Bộ;
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố;
- Báo Công Thương (để đăng tải lấy ý kiến trên Cổng TTĐT Bộ Công Thương);
- Lưu: VT, ĐCK.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phan Thị Thắng





BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC ĐỔI MỚI SÁNG TẠO,
CHUYỂN ĐỔI XANH VÀ
KHUYẾN CÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *** /TTr-ĐCK

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2026

“DỰ THẢO”

TỜ TRÌNH

Dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương

Kính gửi: Quyền Bộ trưởng Lê Mạnh Hùng

Thực hiện trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công kính trình Bộ trưởng dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới (NTM) giai đoạn 2026 - 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương (*sau đây gọi tắt là dự thảo Thông tư*) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Cơ sở chính trị, gồm:

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó khẳng định quan điểm “*Xây dựng nông thôn mới đi vào chiều sâu, thực chất, hiệu quả và bền vững*”.

- Kết luận số 219-KL/TW ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đặt ra yêu cầu, nhiệm vụ: “*Xây dựng nông thôn mới hiện đại, giàu đẹp, bản sắc, bền vững. Hoàn thiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới phù hợp với cấp tỉnh, cấp xã hiện nay*”.

b) Cơ sở pháp lý, gồm:

- Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035.

- Khoản 1 Điều 18 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi bổ sung theo quy định tại Luật số 87/2025/QH15

ngày 25/6/2025 quy định: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành thông tư để quy định *Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ.*

- Khoản 1 Điều 3 Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030, giao: *Các bộ, cơ quan trung ương liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, ban hành hướng dẫn thực hiện đối với các nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 và các điều kiện thuộc Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 trong thời gian 90 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định này, phù hợp với điều kiện thực tế.*

- Điều 2 Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ về, quy định: *Căn cứ vào tình hình thực tế, các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các quy định có liên quan, các bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành, hoặc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định, hướng dẫn thực hiện Chương trình, hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.*

- Quyết định số 393/QĐ-BCT ngày 06/3/2026 của Bộ Công Thương về việc thành lập Tổ soạn thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2026 - 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Ý kiến đồng ý của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xây dựng, ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2026 - 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương theo trình tự, thủ tục rút gọn (*tại Phiếu trình giải quyết công việc số ngày 04/3/2026 của Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công*).

2. Cơ sở thực tiễn

- Qua thực tiễn triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 cho thấy việc hướng dẫn thực hiện các nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí nông thôn mới của các bộ, ngành liên quan là căn cứ quan trọng để các địa phương, cơ quan, đơn vị có liên quan trên phạm vi cả nước thống nhất áp dụng, triển khai thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới, làm cơ sở để đánh giá việc hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu về xây dựng nông thôn mới đối với các địa phương. Trong giai đoạn 2021 - 2025, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 1327/QĐ-BCT ngày 03/6/2024 hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc lĩnh vực Công Thương trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia

về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 và Tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021 - 2025.

- Đối với giai đoạn 2026 - 2030, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 (có hiệu lực từ ngày 15/02/2026), trong đó quy định một số nội dung tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Căn cứ cơ sở chính trị, pháp lý, thực tiễn nêu trên, Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công kính trình Bộ trưởng ban hành Thông tư hướng dẫn một số nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Mục đích ban hành Thông tư

Hoàn thành việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương theo quy định tại Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg. Để các địa phương, cơ quan, đơn vị có liên quan có căn cứ pháp lý, thống nhất áp dụng triển khai thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện một số nội dung tiêu chí trong xây dựng xã đạt chuẩn NTM trong giai đoạn 2026 - 2030, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hơn chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn, thực hiện hoàn thành mục tiêu của Chương trình theo Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Thông tư

a) Xây dựng dự thảo Thông tư phải bám sát: Một số nội dung tiêu chí về lĩnh vực công thương thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2026 - 2030 được quy định tại Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg; các quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Chỉ hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2026 - 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, phù hợp với điều kiện thực tế và có tính khả thi, nhất là đối với các xã có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội khó khăn; không làm phát sinh các quy định và thủ tục hành chính.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

Để chủ động xây dựng, hoàn thiện dự thảo Thông tư hướng dẫn của Bộ, Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công đã tham mưu, thực hiện các nội dung sau:

1. Tham mưu, trình Bộ ban hành Quyết định thành lập Tổ soạn thảo Thông tư (*Quyết định số 393/QĐ-BCT ngày 06/3/2026 của Bộ Công Thương*).

2. Ngày 09/3/2026, tổ chức họp Tổ soạn thảo để thông qua Kế hoạch tiến độ và Phân công nhiệm vụ xây dựng Thông tư; đồng thời góp ý vào Dự thảo Thông tư.

.....

(Nội dung cụ thể, Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công sẽ cập nhật theo nhiệm vụ thực tiễn triển khai)

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 theo Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương (*gồm 4 nội dung tiêu chí*).

b) Đối tượng áp dụng: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, ủy ban nhân dân các xã, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2026 - 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

2. Bố cục của dự thảo Thông tư

Dự thảo Thông tư được bố cục thành 03 chương, 04 mục, 13 điều, bao gồm: (1) Chương I. Quy định chung (*gồm 03 điều*); (2) Chương II. Hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2026 - 2030 (*gồm 04 mục, 08 điều*); (3) Chương III. Điều khoản thi hành (*gồm 02 điều*).

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Thông tư

a) Chương I: Quy định chung, gồm 03 điều, trong đó đã quy định rõ: Phạm vi điều chỉnh (*Điều 1*); đối tượng áp dụng (*Điều 2*); *Giải thích từ ngữ* (*Điều 3*).

b) Chương II: Hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2026 - 2030, gồm 04 mục, 08 điều, trong đó hướng dẫn cụ thể việc thực hiện 04 nội dung tiêu chí gồm:

- Nội dung tiêu chí số 2.4: Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định (*Điều 4, Điều 5*);

- Nội dung tiêu chí số 2.5: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (*Điều 6, Điều 7*);

- Nội dung thuộc tiêu chí số 3.10: Có cụm công nghiệp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật (*Điều 8, Điều 9*);

- Nội dung tiêu chí số 7.3: Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử (Điều 10, Điều 11).

c) Chương III: Điều khoản thi hành, gồm 02 điều, trong đó quy định cụ thể về: Tổ chức thực hiện (Điều 12); Hiệu lực thi hành (Điều 13).

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO THÔNG TƯ GỬI THẨM ĐỊNH

(Sau khi gửi thẩm định hồ sơ dự thảo Thông tư theo quy định, được Vụ Pháp chế tổ chức thẩm định và có báo cáo thẩm định đối với dự thảo Thông tư, Cục Đối mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công sẽ rà soát, cập nhật đầy đủ những nội dung bổ sung mới (nếu có) so với dự thảo Thông tư gửi thẩm định)

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH THÔNG TƯ VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Dự kiến về nguồn tài chính, nguồn nhân lực

Thông tư được xây dựng, ban hành: (i) Phù hợp với tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp (cấp tỉnh, xã), do vậy, các địa phương, cơ quan, đơn vị có liên quan có căn cứ pháp lý, bố trí nguồn nhân lực cho việc thi hành Thông tư phù hợp với quy định pháp luật hiện hành về tổ chức bộ máy hành chính; (ii) Phù hợp với nguồn vốn ngân sách trung ương để thực hiện so với chủ trương đầu tư Chương trình được Quốc hội phê duyệt tại Nghị quyết số 257/2025/QH15, là căn cứ pháp lý quan trọng để các địa phương bố trí vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp để thực hiện hoàn thành các mục tiêu xây dựng NTM về lĩnh vực công thương theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2026-2030.

2. Về điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Thông tư

a) Dự thảo Thông tư phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng: Quan điểm “Xây dựng NTM đi vào chiều sâu, thực chất, hiệu quả và bền vững” (được thể hiện tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng); tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện (được thể hiện tại: Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 và Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII); Kết luận số 219-KL/TW ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị.

b) Về tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên: Nội dung dự thảo Thông tư không trái với điều ước quốc tế (Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa; Chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững) mà Việt Nam đã cam kết thực hiện.

c) Về tính hợp lý của thủ tục hành chính: Dự thảo Thông tư không phát sinh thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày

08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2013/NĐ-CP và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP của Chính phủ) và Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

d) Dự thảo Thông tư: *(i)* Không có quy định khác so với quy định hiện hành trong các văn bản quy phạm pháp luật được rà soát; *(ii)* Đáp ứng việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; *(iii)* Không có quy định về thủ tục liên quan đến đầu tư, kinh doanh nên không phát sinh chi phí quản lý nhà nước; *(iv)* Không có nội dung liên quan đến phân quyền, phân cấp; trong trường hợp phát sinh các yêu cầu, nhiệm vụ mới thì cũng không phát sinh bộ máy và biên chế.

đ) Dự thảo Thông tư đã hướng dẫn cụ thể việc thực hiện một số nội dung tiêu chí về lĩnh vực công thương trong xây dựng NTM giai đoạn 2026 - 2030 thuộc trách nhiệm hướng dẫn của Bộ Công Thương theo quy định tại Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg. Điều kiện về nguồn lực tài chính và nguồn nhân lực hiện nay đủ để tổ chức thi hành Thông tư sau khi được Bộ trưởng ban hành.

3. Thời gian trình ban hành

Thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ, dự kiến trong tháng 3 năm 2026, Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công phối hợp với các đơn vị có liên quan trực thuộc Bộ hoàn thiện Thông tư theo trình tự, thủ tục rút gọn, trình Bộ trưởng xem xét, ban hành.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2026 - 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công xin kính trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Thông tư; (2) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong dự thảo Thông tư; (3) Bản so sánh, thuyết minh dự thảo Thông tư với văn bản quy phạm pháp luật hiện hành; (4) bản tổng hợp, ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý đối với dự thảo Thông tư).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ trưởng Phan Thị Thắng (để báo cáo);
- Các đơn vị: VPB, ĐL, TTTN, TMĐT, PC;
- PCT Nguyễn Văn Thịnh;
- Lưu: VT, ĐCK. Huongngth.

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Thị Lâm Giang



BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/TT-BCT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030;

Theo đề nghị của Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 theo Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, bao gồm:

- Nội dung tiêu chí số 2.4: Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định;
- Nội dung tiêu chí số 2.5: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn;
- Nội dung thuộc tiêu chí số 3.10: Có cụm công nghiệp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật;
- Nội dung tiêu chí số 7.3: Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố (sau đây gọi chung là ủy ban nhân dân cấp tỉnh), ủy ban nhân dân các xã, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các tiêu chí quy định tại Điều 1 Thông tư này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Chợ nông thôn là chợ được tổ chức ở các khu vực địa giới hành chính thuộc vùng nông đáp ứng các quy định tại Thông tư này.

2. Cơ sở bán lẻ khác:

a) Siêu thị là loại hình theo quy định tại Thông tư số 33/2022/TT-BCT ngày 20/12/2022 của Bộ Công Thương ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Công Thương.

b) Siêu thị hạng 1, siêu thị hạng 2, siêu thị hạng 3 là loại hình siêu thị theo quy định tại Thông tư số 33/2022/TT-BCT ngày 20/12/2022 của Bộ Công Thương ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Công Thương.

c) Siêu thị mini là loại hình cơ sở bán lẻ đáp ứng các tiêu chí quy định tại Thông tư này.

d) Cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp là loại hình cơ sở bán lẻ quy mô nhỏ, đáp ứng các tiêu chí quy định tại Thông tư này.

3. Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử của một xã được hiểu là việc xã thiết lập được hạ tầng hoặc hệ sinh thái hoặc vận hành đồng bộ, nơi các chủ thể kinh doanh vận dụng hoặc sử dụng thành thạo kỹ năng số để trực tiếp phân phối, bán sản phẩm ra thị trường thông qua các nền tảng thương mại điện tử mang lại hiệu quả kinh tế cho chủ thể kinh doanh và người dân, tối ưu hóa quy trình logistics tại chỗ, đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm minh bạch và tạo ra sự chuyển đổi thực chất từ tư duy sản xuất truyền thống sang kinh tế số bền vững.

4. Các khái niệm: “Hoạt động thương mại điện tử” “Nền tảng thương mại điện tử”, “Nền tảng thương mại điện tử trung gian”, “Livestream bán hàng” được quy định tại Điều 3 Luật Thương mại điện tử số 122/2025/QH15 của Quốc Hội.

5. Chủ thể kinh doanh trong Mục 4 Thông tư này bao gồm: Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã, Hộ kinh doanh và Cá nhân kinh doanh có đăng ký theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh và pháp luật thuế, tiến hành hoạt động thương mại điện tử trên địa bàn xã.

Chương II

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ NỘI DUNG TIÊU CHÍ THUỘC BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Mục 1

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN NỘI DUNG TIÊU CHÍ “2.4. TỶ LỆ HỘ CÓ ĐĂNG KÝ TRỰC TIẾP VÀ ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐIỆN SINH HOẠT, SẢN XUẤT ĐẢM BẢO AN TOÀN, TIN CẬY VÀ ỔN ĐỊNH”

Điều 4. Nội dung tiêu chí

Tiêu chí “2.4: Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định” trên địa bàn cấp xã có nội dung sau:

1. Có hệ thống điện (bao gồm các nguồn điện từ lưới điện quốc gia hoặc ngoài lưới điện quốc gia; hệ thống các đường dây trung áp, hệ thống các trạm biến áp phân phối, các đường dây hạ áp, công tơ đo đếm phục vụ sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân) đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, an toàn, tin cậy của ngành điện. Có hệ thống dây dẫn sau công tơ về hộ gia đình, hệ thống bảng điện và sau bảng điện của hộ sử dụng điện đảm bảo an toàn.

2. Đạt tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định: Xã nhóm 1 đạt $\geq 99\%$; Xã nhóm 2 đạt $\geq 99\%$; Xã nhóm 3 đạt $\geq 98\%$.

Điều 5. Đánh giá tiêu chí

Đánh giá tiêu chí “2.4: Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định” trên địa bàn cấp xã thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

Mục 2

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN NỘI DUNG TIÊU CHÍ “2.5. CƠ SỞ HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI NÔNG THÔN”

Điều 6. Nội dung tiêu chí

Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn là hạ tầng thương mại được thiết lập tại địa bàn nông thôn gồm chợ nông thôn hoặc cơ sở bán lẻ khác đáp ứng các yêu cầu, quy định tại Thông tư này.

Điều 7. Đánh giá tiêu chí

Đánh giá tiêu chí “2.5. Cơ sở thương mại hạ tầng nông thôn” trên địa bàn cấp xã thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

Mục 3

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN NỘI DUNG THUỘC TIÊU CHÍ 3.10. “CÓ CỤM CÔNG NGHIỆP ĐƯỢC QUY HOẠCH, ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐẢM BẢO ĐÁP ỨNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT”

Điều 8. Nội dung tiêu chí

Tiêu chí “Có cụm công nghiệp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật” trên địa bàn cấp xã gồm các nội dung sau:

1. Cụm công nghiệp có trong Danh mục các cụm công nghiệp thuộc Quy hoạch tỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch và pháp luật có liên quan.

2. Cụm công nghiệp được thành lập, mở rộng theo quy định về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

3. Cụm công nghiệp được đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật.

Trường hợp cụm công nghiệp nằm trong phạm vi từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao một Ủy ban nhân dân cấp xã đánh giá nội dung tiêu chí cụm công nghiệp trên địa bàn.

Điều 9. Đánh giá tiêu chí

Đánh giá tiêu chí “Có cụm công nghiệp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật” trên địa bàn cấp xã thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục III kèm theo Thông tư này.

Mục 4

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN NỘI DUNG TIÊU CHÍ “7.3. TRIỂN KHAI HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ”

Điều 10. Nội dung tiêu chí

Tiêu chí “7.3. Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử” trên địa bàn cấp xã gồm các nội dung sau:

1. Năng lực và kỹ năng số

a) Kỹ năng số dành cho chủ thể kinh doanh: Chủ thể kinh doanh được đào tạo về một trong các kỹ năng sau: kỹ năng bán hàng livestream bán hàng, kỹ năng bán hàng qua mạng/trực tuyến, kỹ năng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong thương mại điện tử, kỹ năng quảng cáo số, kỹ năng bán hàng xuyên biên giới hoặc các khóa đào tạo khác phục vụ hoạt động thương mại điện tử.

b) Kỹ năng số dành cho cán bộ quản lý: Cán bộ xã và cán bộ công chức làm công tác quản lý trên địa bàn được đào tạo về một trong các kỹ năng sau: thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong thương mại điện tử; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong thương mại điện tử; đấu tranh chống hàng giả trong thương mại điện tử hoặc các khóa đào tạo khác liên quan tới công tác quản lý nhà nước về thương mại điện tử.

c) Kỹ năng số cơ bản dành cho người dân: Người dân biết sử dụng smartphone để tra cứu giá cả thị trường và xem giới thiệu sản phẩm qua nền tảng số thương mại điện tử, mạng xã hội.

d) Kỹ năng an toàn thông tin số: Người dân được phổ biến kiến thức về nhận biết và phòng tránh lừa đảo trên không gian mạng khi giao dịch mua bán.

2. Hệ sinh thái cộng đồng thương mại điện tử địa phương

a) Tổ hỗ trợ thương mại điện tử cộng đồng: Có tổ hỗ trợ do xã lập ra (thường là Đoàn thanh niên hoặc Hội phụ nữ, v.v...) để trực tiếp hỗ trợ, giúp đỡ chủ thể kinh doanh, người dân chụp ảnh, viết bài và vận hành gian hàng số hoặc hướng dẫn các kỹ năng số trong thương mại điện tử.

b) Nhóm hỗ trợ, kết nối: Có nhóm hỗ trợ do các xã lập ra trên các nền tảng số để hỗ trợ người dân địa phương bán hàng trên mạng xã hội (Zalo, Facebook...) để hỗ trợ cộng đồng tham gia vào hoạt động thương mại điện tử.

c) Chủ thể tiêu biểu: Có chủ thể kinh doanh địa phương đóng vai trò “đầu tàu” hay “dẫn dắt” các chủ thể kinh doanh khác trong địa phương triển khai thương mại điện tử và hỗ trợ thu mua, nhận ký gửi sản phẩm để bán hộ cho người dân cho người dân.

d) Dịch vụ logistics và giao nhận: Có đơn vị cung ứng dịch vụ bưu chính, chuyển phát hoặc logistics trên địa bàn xã thực hiện dịch vụ lấy hàng tận nơi, giao hàng cho tổ chức, cá nhân tham gia thương mại điện tử.

đ) Số lượng phiên Livestream bán hàng: Các đơn vị thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, xã chủ trì tổ chức các phiên livestream để bán các sản phẩm, dịch vụ đặt trưng của địa phương.

3. Mức độ triển khai hoạt động thương mại điện tử

a) Mức độ tham gia kinh doanh trực tuyến: Tỷ lệ chủ thể kinh doanh tại địa bàn triển khai hoạt động bán hàng trên các nền tảng thương mại điện tử.

b) Mức độ hiện diện của sản phẩm địa phương trên các nền tảng số thương mại điện tử trung gian: Các sản phẩm OCOP (3 sao trở lên) hoặc các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (từ cấp tỉnh trở lên) của xã trưng bày, giới thiệu hoặc bán trên các nền tảng thương mại điện tử được Bộ Công Thương xác nhận.

c) Mức độ ứng dụng truy xuất nguồn gốc: Các sản phẩm OCOP (3 sao trở lên) hoặc các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (từ cấp tỉnh trở lên) của xã có mã QR truy xuất nguồn gốc, minh bạch hóa quy trình sản xuất trên môi trường trực tuyến.

d) Tổng giá trị giao dịch thương mại điện tử của các chủ thể kinh doanh trên địa bàn xã.

Điều 11. Đánh giá tiêu chí

Đánh giá tiêu chí “7.3. Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử” trên địa bàn cấp xã thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ hướng dẫn tại Thông tư này, cụ thể hóa việc áp dụng nội dung tiêu chí đối với từng nhóm xã trên địa bàn, phù hợp với điều kiện thực tế và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; bảo đảm mức yêu cầu không thấp hơn mức chuẩn và hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc Bộ Công Thương

a) Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công:

Chịu trách nhiệm hướng dẫn triển khai, xử lý các vướng mắc phát sinh (nếu có) trong quá trình thực hiện các quy định tại Điều 8, Điều 9 Thông tư này.

Đầu mối phối hợp với các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Công Thương theo dõi, tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Bộ kết quả thực hiện Thông tư này.

b) Cục Điện lực: Chịu trách nhiệm hướng dẫn triển khai, xử lý các vướng mắc phát sinh (nếu có) trong quá trình thực hiện các quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư này.

c) Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước: Chịu trách nhiệm hướng dẫn triển khai, xử lý các vướng mắc phát sinh (nếu có) trong quá trình thực hiện các quy định tại Điều 6, Điều 7 Thông tư này.

d) Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số: Chịu trách nhiệm hướng dẫn triển khai, xử lý các vướng mắc phát sinh (nếu có) trong quá trình thực hiện các quy định tại Điều 10, Điều 11 Thông tư này.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng ... năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Bộ Công Thương (qua Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công) để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Phó TTgTTCP Nguyễn Hòa Bình;
- Phó TTgCP Trần Hồng Hà;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ tư pháp);
- Công báo; Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, ĐCK (02b).

QUYỀN BỘ TRƯỞNG

Lê Mạnh Hùng

Phụ lục I
Đánh giá Tiêu chí “2.4. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định” trên địa bàn cấp xã
(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ Công Thương)

STT	Mục đánh giá	Thành phần đánh giá	Nội dung đánh giá	Nhận dạng đánh giá	Mức đánh giá	Ghi chú
I	Hệ thống cung cấp điện đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định theo quy định (Tiêu chí 2.4.1) Đạt chuẩn yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại: Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực; Thông tư số 05/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hệ thống truyền tải điện, hệ thống điện phân phối, hệ thống đo đếm điện năng; Thông tư 41/2025/TT-BCT ngày 22/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện; Thông tư số 46/2025/TT-BCT ngày 06/8/2025 về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện; Thông tư số 05/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hệ thống truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng và Thông tư số 06/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định điều độ, vận hành, thao tác, xử lý sự cố, khởi động đen và khôi phục hệ thống điện quốc gia; Thông tư số 51/2025/TT-BCT ngày 11/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia về Kỹ thuật điện – Hệ thống lưới điện.				Đạt	
1.1	Hồ sơ pháp lý của công trình cấp điện (lưới điện trung áp, trạm biến áp phân phối, đường dây hạ áp)				Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: đạt/không đạt
1.1.1	Thủ tục, hồ sơ	Dự án/công trình/hạng mục đầu tư		Hồ sơ, quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền	Đạt	Trường hợp không có hồ sơ, chủ đầu tư báo cáo cấp có thẩm quyền xác nhận đủ pháp lý
1.1.2		Hồ sơ thiết kế			Đạt	
1.1.3		Hồ sơ nghiệm thu			Đạt	

1.2	Vận hành hệ thống phân phối điện (lưới điện trung áp, trạm biến áp phân phối, đường dây hạ áp, công tơ điện) an toàn, tin cậy				Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: đạt/không đạt
1.2.1	Nhận dạng về vận hành hệ thống điện	Các quy trình vận hành	Quy trình kiểm tra an toàn vận hành	Có đầy đủ	Đạt	
1.2.2			Quy trình sửa chữa, khắc phục sự cố	Có đầy đủ	Đạt	
1.2.3			Thiết bị thao tác, bảo vệ được kiểm tra, bảo trì theo quy định hiện hành	Có hồ sơ	Đạt	
1.2.4		Mua bán điện	Tỷ lệ số công tơ đo đếm điện năng khách hàng trong thời gian kiểm định, nguyên kẹp chỉ	100%	Đạt	
1.2.5			Công tơ được đặt trong hòm composite hoặc sơn tĩnh điện treo trên cột hoặc tường nhà	100%	Đạt	
1.3	Dây dẫn và hộ sử dụng điện sau công tơ điện				Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: đạt/không đạt
1.3.1	Dây dẫn vào hộ sử dụng điện sau công tơ điện				Đạt	
1.3.1.1		Loại dây dẫn về hộ sử dụng điện	Tiết diện dây bọc cách điện hoặc cáp điện phải phù hợp với công suất sử dụng của các hộ sử dụng điện.	Dây bọc cách điện, tiết diện tối thiểu 2,5 mm ² .	Đạt	

1.3.1. 2	Nhận dạng về chủng loại, thông tin số liệu dây dẫn sau công tơ	An toàn treo dây dẫn về hộ sử dụng điện		Khoảng cách từ công tơ điện về nhà hộ sử dụng điện dưới 20 m	Có hãm dây hai đầu trên sứ cách điện hạ áp hoặc sử dụng kẹp hãm, kẹp siết 2 đầu	Đạt	
1.3.1. 3		An toàn treo dây dẫn về hộ sử dụng điện	Khoảng cách từ công tơ điện về nhà hộ sử dụng điện từ 20 m trở lên	Có hãm dây hai đầu trên sứ cách điện hạ áp hoặc sử dụng kẹp hãm, kẹp siết 2 đầu, có cột đỡ trung gian	Đạt		
1.3.1. 4			Dây dẫn căng vượt đường giao thông ô tô	Có hãm dây hai đầu trên sứ cách điện hạ áp, có dây văng đỡ dây, khoảng cách an toàn tới đất kiểm tra theo tiêu chuẩn đường dây hạ áp	Đạt		
1.3.1. 5		Cột đỡ trung gian	Loại cột	Gỗ hoặc tre, cao ≥ 4,0 m, đường kính ≥ 80 mm	Đạt		
1.3.1. 6	Bảo vệ an toàn cho cột		Được chôn dưới đất, không bị nghiêng, không ảnh hưởng đến việc giao thông đi lại	Đạt			

1.3.2	Điện trong nhà				Đạt	Trưởng thôn (bản, buôn) báo cáo đánh giá chung, cung cấp kết quả để đánh giá đạt/ không đạt
	Thông tin, số liệu nhận dạng về hệ thống điện trong nhà hộ sử dụng điện	Bảng điện tổng	Có cầu chì/aptomat, công tắc, ổ cắm đặt cố định trên tường hoặc khung nhà	100 % các hộ dân		
1.3.2.1					đạt	
1.3.2.2		Dây điện	Có vỏ cách điện, dây điện được cố định trên tường hoặc khung nhà hoặc chôn trong tường	100 % các hộ dân	đạt	
1.4	Sử dụng điện ổn định				Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: đạt/không đạt
1.4.1	Chất lượng điện năng				Đạt	
1.4.1.1	Thông tin, số liệu nhận dạng chất lượng điện năng sử dụng	Điện áp	Trong điều kiện bình thường, độ lệch điện áp cho phép so với điện áp danh định của lưới điện và được xác định tại vị trí đặt thiết bị đo đếm điện hoặc tại vị trí khác do hai bên thỏa thuận	trong khoảng $\pm$ 5%	Đạt	
1.4.1.2			Đối với lưới điện chưa ổn định sau sự cố, độ lệch điện áp cho phép	từ +5% đến - 10%	Đạt	
1.4.1.3		Tần số	Trong điều kiện bình thường, độ lệch tần số hệ thống điện cho phép so với tần số danh định là 50 Hz	trong phạm vi $\pm$ 0,2 Hz	Đạt	

1.4.1. 4		Đối với lưới điện chưa ổn định sau sự cố đơn lẻ, độ lệch tần số cho phép so với tần số danh định là 50 Hz	trung phạm vi $\pm 0,5$ Hz	Đạt	
1.4.2	Ngừng, giảm mức cung cấp điện				Đạt
1.4.2. 1	Thông tin, số liệu nhận dạng về ngừng, giảm mức cung cấp điện	Ngừng, giảm mức cung cấp điện	Thông báo cho khách hàng biết trước thời điểm ngừng hoặc giảm mức cung cấp điện	≥ 05 ngày	Đạt
1.4.2. 2			Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng	Trong 3 ngày liên tiếp	Đạt
II	Hộ có đăng ký sử dụng điện trực tiếp (Tiêu chí 2.4.2)				Đạt
2.1		Đối với khu vực sử dụng nguồn từ lưới điện quốc gia		Sử dụng liên tục	Đạt
2.2	Thông tin nhận dạng về hộ sử dụng điện	Đối với khu vực sử dụng nguồn từ năng lượng tái tạo, trạm diezen độc lập	Đảm bảo có điện sử dụng hàng ngày, đủ nguồn năng lượng sử dụng cho các thiết bị sản xuất, sinh hoạt, chiếu sáng trong gia đình.	Số giờ cấp điện trong ngày đảm bảo ≥ 12 giờ/ngày đối với khu vực đất liền và ≥ 08 giờ/ngày đối với khu vực hải đảo.	Đạt

Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể theo tình hình thực tế quản lý tại địa phương. Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả đề đánh giá:
đạt/Không đạt

2.3	Thông tin nhận dạng về tỷ lệ hộ sử dụng điện	Số hộ sử dụng điện ký hợp đồng mua bán điện theo giá quy định của Chính phủ/số hộ dân trên địa bàn xã	Tỷ lệ số hộ ký hợp đồng mua bán điện đối với khu vực xã nhóm 1	$\geq 99\%$	Đạt
2.4			Tỷ lệ số hộ ký hợp đồng mua bán điện đối với khu vực xã nhóm 2	$\geq 99\%$	Đạt
2.5			Tỷ lệ số hộ ký hợp đồng mua bán điện đối với khu vực xã nhóm 3	$\geq 98\%$	Đạt

Ghi chú:

1. Phương pháp chung đánh giá tiêu chí “2.4. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định”: Nhận dạng, cập nhật tài liệu pháp lý, tài liệu thống kê để đánh giá. Không tổ chức thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình và những công việc thuộc trách nhiệm của Chủ đầu tư và đơn vị quản lý vận hành.

2. Tổ chức đánh giá

a) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố căn cứ vào hướng dẫn đánh giá có quy định cụ thể mục tiêu, tiêu chí của tỉnh để ban hành phương pháp đánh giá thực hiện Tiêu chí 2.4 về điện trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương. Chỉ đạo Sở Công Thương phối hợp với Công ty điện lực tại địa phương, các tổ chức kinh doanh (không thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam) cung cấp phân phối điện đến hộ sử dụng điện tại địa phương kiểm tra, hướng dẫn kiểm tra, xác nhận theo các quy định hiện hành, phù hợp nhu cầu theo tiêu chí sử dụng điện trên địa bàn xã và điều kiện kinh tế - xã hội của từng nhóm xã của địa phương.

b) Tập đoàn Điện lực Việt Nam chỉ đạo, hướng dẫn các Tổng Công ty, Công ty điện lực tỉnh trực thuộc phối hợp với Sở Công Thương/cơ quan chuyên môn về công thương ở cấp tỉnh, thành phố/xã, các tổ chức kinh doanh cung cấp, phân phối điện đến hộ dân tại địa phương để xác định các thông số kỹ thuật, chất lượng điện năng thực tế và tham gia khi đánh giá kết quả đạt/không đạt Tiêu chí 2.4 về điện.

Phụ lục II
Đánh giá tiêu chí “2.5. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn” trên địa bàn cấp xã
(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ Công Thương)

Sst	Nội dung đánh giá	Nhận dạng đánh giá	Yêu cầu
I	Chợ nông thôn		Nếu đạt tất cả các tiêu chí dưới đây được đánh giá là “Đạt”
1.1	Về quy hoạch, mặt bằng, diện tích xây dựng chợ:		Nếu đạt tất cả các tiêu chí dưới đây được đánh giá là “Đạt”
	Chợ nằm trong quy hoạch, kế hoạch phát triển; có mặt bằng phù hợp với quy mô hoạt động	Quyết định phê duyệt quy hoạch, kế hoạch phát triển của cấp có thẩm quyền	Đạt
	Diện tích tối thiểu cho một điểm kinh doanh trong chợ là 3m ²	Kiểm tra thực tế	Đạt
1.2	Về kết cấu nhà chợ chính:		Nếu đạt tất cả các tiêu chí dưới đây được đánh giá là “Đạt”
	Nhà, chợ đảm bảo an toàn, sạch sẽ	Kiểm tra thực tế	Đạt
	Nền chợ phải được cứng hóa	Kiểm tra thực tế	Đạt
1.3	Về yêu cầu đối với các bộ phận phụ trợ và kỹ thuật công trình:		Nếu đạt tất

			cả các tiêu chí dưới đây được đánh giá là “Đạt”
	Có bảng hiệu thể hiện tên chợ, địa chỉ và số điện thoại liên hệ của đại diện tổ chức quản lý chợ	Kiểm tra thực tế: Có và đảm bảo đầy đủ các thông tin	Đạt
	Có khu vệ sinh bố trí nam, nữ riêng; đảm bảo sạch sẽ; phù hợp với quy mô của chợ	Kiểm tra thực tế	Đạt
	Có khu vực trông giữ xe đáp ứng và phù hợp nhu cầu mua, bán tại chợ, đảm bảo an toàn, trật tự	Kiểm tra thực tế, đáp ứng yêu cầu	Đạt
	Khu bán thực phẩm tươi sống, khu dịch vụ ăn uống được bố trí riêng	Kiểm tra thực tế đảm bảo yêu cầu	Đạt
	Có nước sạch, nước hợp vệ sinh bảo đảm cho hoạt động của chợ	Kiểm tra thực tế	Đạt
	Có hệ thống cấp điện theo quy định đảm bảo cho hoạt động của chợ	Kiểm tra thực tế	Đạt
	Có khu thu gom, lưu chứa rác và kế hoạch vận chuyển rác trong ngày về khu xử lý tập trung của địa phương	Kiểm tra thực tế	Đạt
	Có hệ thống rãnh thoát nước bảo đảm tiêu thoát, dễ dàng thông tắc	Kiểm tra thực tế, bảo đảm yêu cầu	Đạt
	Có thiết bị và phương án bảo đảm phòng cháy, chữa cháy cho chợ theo quy định	Kiểm tra thực tế, bảo đảm hoạt động	Đạt
1.4	Về điều hành quản lý chợ:		Nếu đạt tất cả các tiêu chí dưới đây được đánh giá là “Đạt”
	Có tổ chức quản lý chợ	Quyết định thành lập	Đạt
	Có Nội quy chợ được niêm yết công khai	Kiểm tra thực tế	Đạt

	Có sử dụng cân đối chứng, thiết bị đo lường phù hợp	Kiểm tra thực tế, đảm bảo hoạt động, đạt yêu cầu theo quy định	Đạt
	Hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại chợ không thuộc trường hợp pháp luật cấm kinh doanh và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật đối với hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện	Cam kết thực hiện và không bị cơ quan thẩm quyền xử lý vi phạm	Đạt
	Có bố trí quầy hoặc khu vực phù hợp để trưng bày hoặc bán hàng hóa nông sản, hàng hóa tiềm năng, lợi thế của địa phương	Kiểm tra thực tế	Đạt
	Có sổ ghi chép hoặc phần mềm theo dõi quá trình thu mua nông sản, thực phẩm tươi sống của các hộ kinh doanh có định tại chợ để bảo đảm biết rõ nguồn cung ứng	Có sổ sách ghi chép hoặc phần mềm theo dõi và đảm bảo tính kịp thời, đầy đủ	Đạt
II	Cơ sở bán lẻ khác		
2.1	Siêu thị hạng 1; siêu thị hạng 2; siêu thị hạng 3; siêu thị chuyên doanh; siêu thị kinh doanh tổng hợp	Đảm bảo theo các tiêu chí quy định tại Thông tư số 33/2022/TT-BCT ngày 20/12/2022 của Bộ Công Thương ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Công Thương	Đạt
2.2	Siêu thị mini:	Nếu đạt tất cả các tiêu chí dưới đây được đánh giá là “Đạt”	
	Có diện tích kinh doanh phù hợp; có bảng hiệu thể hiện tên siêu thị, địa chỉ và số điện thoại liên hệ của đại diện tổ chức, cá nhân quản lý	Kiểm tra thực tế, các tiêu chí đầy đủ, đảm bảo cho hoạt động	Đạt
	Có thời gian mở cửa phù hợp cho việc mua sắm hàng ngày của người dân	Có thông báo/quy định và thực tế thời gian mở cửa phù hợp	Đạt
	Có bố trí nơi để xe hoặc phương án trông giữ xe và khu vệ sinh phù hợp cho khách hàng	Kiểm tra thực tế	Đạt

	Danh mục hàng hóa từ 500 mặt hàng; Hàng hóa được tổ chức, bố trí theo ngành hàng, nhóm hàng một cách văn minh, khoa học, thuận lợi cho việc tìm kiếm, mua sắm, kiểm tra, theo dõi	Kiểm tra danh mục hàng hóa kinh doanh và thực tế bố trí, sắp xếp	Đạt
	Có bố trí quầy hoặc khu vực phù hợp để trưng bày hoặc bán hàng hóa nông sản, hàng hóa tiềm năng, thế mạnh của địa phương	Kiểm tra thực tế	Đạt
	Có kho, các thiết bị kỹ thuật cần thiết cho bảo quản hàng hóa (tủ đông, tủ mát...); cho đóng gói, bán hàng (giá, kệ, giỏ, móc treo...); cho thanh toán và quản lý kinh doanh (thiết bị và phần mềm quản lý...); có nơi bảo quản hành lý cá nhân	Kiểm tra thực tế, đảm bảo phục vụ hoạt động theo yêu cầu	Đạt
	Có trang bị kỹ thuật đảm bảo việc phòng cháy, chữa cháy, đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định	Kiểm tra thực tế, đảm bảo hoạt động theo quy định	Đạt
	Hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại siêu thị mini không thuộc trường hợp pháp luật cấm kinh doanh và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật đối với hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện	Cam kết thực hiện và không bị cơ quan thẩm quyền xử lý vi phạm	Đạt
2.3	Cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp:		Nếu đạt tất cả các tiêu chí dưới đây được đánh giá là “Đạt”
	Có diện tích kinh doanh và có nơi để xe phù hợp với quy mô; có bảng hiệu thể hiện tên cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp, địa chỉ và số điện thoại liên hệ của đại diện tổ chức quản lý	Kiểm tra thực tế, đảm bảo đầy đủ thông tin và phù hợp với quy mô	Đạt
	Có thời gian mở cửa phù hợp cho việc mua sắm hàng ngày của người dân	Có thông báo/quy định và thực tế thời gian mở cửa phù hợp	Đạt
	Danh mục hàng hóa kinh doanh từ 200 tên hàng; Hàng hóa được tổ chức, bố trí một cách văn minh, khoa học, thuận lợi cho việc tìm kiếm,	Kiểm tra danh mục hàng hóa và thực tế bố trí, sắp xếp	Đạt

	mua sắm, kiểm tra, theo dõi		
	Có bố trí quầy hàng phù hợp để trưng bày hoặc bán hàng hóa nông sản, hàng hóa tiêu năng, thể mạnh của địa phương	Kiểm tra thực tế	Đạt
	Đảm bảo các yêu cầu về an toàn, phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường, thuận tiện cho khách hàng	Kiểm tra thực tế, đảm bảo hoạt động theo quy định	Đạt
	Có trang thiết bị cần thiết (tủ đông, tủ mát, kệ, giá...)	Kiểm tra thực tế, đảm bảo phục vụ hoạt động theo yêu cầu	Đạt
	Tổ chức, bố trí, sắp xếp và ghi chép hàng hóa một cách văn minh, khoa học, thuận lợi cho việc mua sắm, theo dõi, kiểm tra, quản lý	Kiểm tra thực tế phù hợp	Đạt
	Hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại siêu thị mini không thuộc trường hợp pháp luật cấm kinh doanh và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật đối với hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện	Cam kết thực hiện và không bị cơ quan thẩm quyền xử lý vi phạm	Đạt
III	Chợ đạt chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm tại TCVN 11856:2017 (Bảng 1. Tiêu chí đánh giá đối với chợ kinh doanh thực phẩm)		
	Tiêu chí mức độ A	Hướng dẫn đánh giá tại Bảng 1	Đạt 100%
	Tiêu chí mức độ B	Hướng dẫn đánh giá tại Bảng 1	Đạt > 60%
IV	Yêu cầu chung (Mục I, Bảng I – Tiêu chí đánh giá đối với chợ kinh doanh thực phẩm) của TCVN 11856:2017	Hướng dẫn đánh giá theo Mục I, Bảng I – Tiêu chí đánh giá đối với chợ kinh doanh thực phẩm (TCVN 11856:2017)	ĐẠT
V	Khu vực kinh doanh đáp ứng Yêu cầu đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm tại chợ quy định tại Mục II, Bảng I – Tiêu chí đánh giá đối với chợ kinh doanh thực phẩm của TCVN 11856:2017		
5.1	Các cơ sở kinh doanh sản phẩm đông vật (Bảng 2)		
	Tiêu chí A	Hướng dẫn đánh giá theo Bảng 2 – Bảng	Đạt 100%

	Tiêu chí B	Tiêu chí đánh giá đối với cơ sở kinh doanh sản phẩm động vật	Đạt > 60%
5.2	Các cơ sở kinh doanh thủy hải sản tươi sống (Bảng 3)		
	Tiêu chí A	Hướng dẫn đánh giá theo Bảng 3 – Bảng	Đạt 100%
	Tiêu chí B	Tiêu chí đánh giá đối với cơ sở kinh doanh thủy hải sản tươi sống	Đạt > 60%
5.3	Cơ sở kinh doanh rau, củ quả (Bảng 4)		
	Tiêu chí A	Hướng dẫn đánh giá theo Bảng 4 – Bảng	Đạt 100%
	Tiêu chí B	Tiêu chí đánh giá cơ sở kinh doanh rau, củ, quả	Đạt > 60%
5.4	Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống (Bảng 5)		
	Tiêu chí A	Hướng dẫn đánh giá theo Bảng 5 – Bảng	Đạt 100%
	Tiêu chí B	Tiêu chí đánh giá đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống	Đạt > 60%
5.5	Cơ sở kinh doanh thực phẩm khác (Bảng 6)		
	Tiêu chí A	Hướng dẫn đánh giá theo Bảng 6 – Bảng	Đạt 100%
	Tiêu chí B	Tiêu chí đánh giá đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm khác	Đạt > 60%

Ghi chú:

1. Đối với xã nhóm 1 được công nhận đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn khi đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

a) Có chợ đạt chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm theo quy định tại Hướng dẫn áp dụng TCVN 11856:2017 về Chợ kinh doanh thực phẩm.

b) Có siêu thị hạng 3 trở lên theo quy định.

2. Đối với xã nhóm 2 được công nhận đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn khi đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

a) Có chợ đặt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo quy định tại Điều 5 và đáp ứng các Yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm quy định tại Mục I, Bảng I - Tiêu chí đánh giá đối với chợ kinh doanh thực phẩm của Hướng dẫn áp dụng TCVN 11856:2017 về Chợ kinh doanh thực phẩm.

b) Có chợ đặt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo quy định tại Điều 5 và chợ có ít nhất 01 (một) khu vực kinh doanh đáp ứng Yêu cầu đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm tại chợ quy định tại Mục II, Bảng I - Tiêu chí đánh giá đối với chợ kinh doanh thực phẩm của Hướng dẫn áp dụng TCVN 11856:2017 về Chợ kinh doanh thực phẩm.

c) Có siêu thị mini trở lên theo quy định tại Điều 6.

3. Đối với xã nhóm 3 được công nhận đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn mới khi đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

a) Có chợ đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo quy định tại Điều 6.

b) Có cơ sở bán lẻ khác phù hợp theo quy định tại Điều 6.

4. Đối với xã không có hoặc chưa có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa đầu tư xây dựng thì xem xét, đánh giá không đạt về Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

Phụ lục III

Đánh giá tiêu chí “Có cụm công nghiệp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật” trên địa bàn cấp xã

(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ Công Thương)

STT	Nội dung đánh giá	Nhận dạng đánh giá	Mức đánh giá	Ghi chú
I	Cụm công nghiệp có trong Danh mục các cụm công nghiệp thuộc Quy hoạch tỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch và pháp luật có liên quan		Đạt	Nếu đạt tất cả các tiêu chí dưới đây được đánh giá là “Đạt”
1.1	Cụm công nghiệp được đánh giá có trong Danh mục các cụm công nghiệp thuộc Quy hoạch tỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Có bản sao Quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh/Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh (trong đó có cụm công nghiệp được đánh giá).	Đạt	Yêu cầu bắt buộc đối với 03 nhóm xã
II	Cụm công nghiệp được thành lập, mở rộng theo quy định của pháp luật về quản lý, phát triển cụm công nghiệp		Đạt	
2.1	Được thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo quy định về quản lý, phát triển cụm công nghiệp	Có bản sao Quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.	Đạt	Yêu cầu bắt buộc đối với 03 nhóm xã
III	Cụm công nghiệp được đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật		Đạt	Nếu đạt tất cả các tiêu chí dưới đây được đánh giá là “Đạt”
3.1	Có các quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; phương án phòng cháy, chữa cháy; giao đất, cho thuê đất để đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các quy định khác đối với dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.	Có bản sao các quyết định phê duyệt: Quy hoạch chi tiết; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; báo cáo đánh giá tác động môi trường; báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; phương án phòng cháy, chữa cháy; giao đất, cho thuê đất để đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các quy định khác đối với dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.	Đạt	Yêu cầu bắt buộc đối với nhóm xã loại 1 và nhóm xã loại 2

STT	Nội dung đánh giá	Nhận dạng đánh giá	Mức đánh giá	Ghi chú
		cháy; giao đất, cho thuê đất để đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các quy định khác đối với dự án đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).		
3.2	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp: Hoàn thành xây dựng, đưa vào sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung của cụm công nghiệp (gồm: Hệ thống các công trình giao thông nội bộ, vỉa hè, cây xanh, cấp nước, thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn, phòng cháy, chữa cháy, cấp điện, chiếu sáng công cộng, thông tin liên lạc nội bộ và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác phục vụ cho hoạt động chung của cụm công nghiệp) theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt.	Có Biên bản nghiệm thu hoàn thành và đưa vào sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung thiết yếu của cụm công nghiệp theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt.	Đạt	Yêu cầu bắt buộc đối với nhóm xã loại 1 và nhóm xã loại 2
3.3	Hoạt động của cụm công nghiệp: - Đã thu hút được các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh tại cụm công nghiệp, đạt tỷ lệ lấp đầy trên 30%; - Có thu hút người dân nông thôn vào lao động thường xuyên tại cụm công nghiệp; - Có đóng góp cho ngân sách nhà nước.	Có Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về hiệu quả của cụm công nghiệp đối với phát triển kinh tế nông thôn tại địa bàn (tỉ lệ lấp đầy cụm công nghiệp đạt trên 30%; tạo việc làm cho người dân nông thôn lao động thường xuyên tại cụm công nghiệp; đóng góp cho ngân sách nhà nước).	Đạt	Yêu cầu bắt buộc đối với nhóm xã loại 1 và nhóm xã loại 2
3.4	Công tác quản lý cụm công nghiệp: - Có công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã phụ trách về quản lý, phát triển cụm công nghiệp; - Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có bộ phận quản lý, vận hành dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; - Ủy ban nhân dân cấp xã, chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp chấp hành chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp; - Có công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, cán bộ quản lý, vận hành	Có Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã thể hiện đầy đủ các nội dung đánh giá.	Đạt	Yêu cầu bắt buộc đối với 03 nhóm xã

STT	Nội dung đánh giá	Nhận dạng đánh giá	Mức đánh giá	Ghi chú
	dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp được tập huấn về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và được tập huấn về thực hiện tiêu chí cụm công nghiệp trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030.			

Phụ lục IV

Đánh giá tiêu chí “7.3. Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử” trên địa bàn cấp xã
(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ Công Thương)

STT	Mục đánh giá	Thành phần đánh giá	Nội dung đánh giá	Nhận dạng đánh giá	Mức đánh giá	Ghi chú
I	Năng lực và kỹ năng số		Tỷ lệ (%) chủ thể kinh doanh hoặc đại diện chủ thể kinh doanh trên địa bàn được đào tạo ít nhất một trong các kỹ năng: bán hàng livestream; bán hàng qua mạng/trực tuyến; ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong thương mại điện tử; quảng cáo số; bán hàng xuyên biên giới hoặc các khóa học khác liên quan tới thương mại điện tử.	Trên 50%	Đạt	Nếu đạt tất cả các tiêu chí dưới đây được đánh giá là “Đạt”
1.1	Kỹ năng số cho chủ thể kinh doanh	Đào tạo kỹ năng hỗ trợ hoạt động kinh doanh số				
						Đối với xã nhóm 1 đạt ít nhất 80%

STT	Mục đánh giá	Thành phần đánh giá	Nội dung đánh giá	Nhận dạng đánh giá	Mức đánh giá	Ghi chú
1.2	Kỹ năng số cho cán bộ quản lý	Đào tạo kỹ năng quản lý nhà nước về thương mại điện tử	Tỷ lệ (%) cán bộ xã và cán bộ công chức, viên chức làm công tác quản lý được đào tạo ít nhất một trong các nội dung liên quan: thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong thương mại điện tử; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong thương mại điện tử; đấu tranh chống hàng giả trong thương mại điện tử hoặc quản lý nhà nước liên quan tới hoạt động thương mại điện tử	Trên 50%	Đạt	Đối với xã nhóm 1 có ít nhất 80% cán bộ
1.3	Kỹ năng số cơ bản cho người dân	Kỹ năng sử dụng smartphone để tra cứu, mua sắm	Tỷ lệ (%) người dân từ 18 tuổi trở lên biết sử dụng smartphone để tra cứu giá cả thị trường và xem giới thiệu sản phẩm qua nền tảng thương mại điện tử, mạng xã hội	Trên 60%	Đạt	Đối với xã nhóm 1 đạt ít nhất 80%
1.4	Kỹ năng an toàn thông tin số	Được phổ biến kiến thức phòng chống lừa đảo trực tuyến	Tỷ lệ (%) người dân từ 18 tuổi trở lên được phổ biến kiến thức nhận biết và phòng tránh lừa đảo trên không gian mạng khi giao dịch mua bán	Trên 30%	Đạt	Đối với xã nhóm 1 đạt ít nhất 60%
II	Hệ sinh thái cộng đồng TMDT địa phương				Đạt	Nếu đạt tất cả các tiêu chí dưới đây được đánh giá là “Đạt”

STT	Mục đánh giá	Thành phần đánh giá	Nội dung đánh giá	Nhận dạng đánh giá	Mức đánh giá	Ghi chú
2.1	Tổ hỗ trợ thương mại điện tử cộng đồng	Tổ hỗ trợ TMĐT cộng đồng	Số lượng tổ hỗ trợ do xã lập ra (thường là Đoàn thanh niên hoặc Hội phụ nữ, v.v...) để trực tiếp hỗ trợ, giúp đỡ chủ thể kinh doanh, người dân chụp ảnh, viết bài và vận hành gian hàng số hoặc hướng dẫn các kỹ năng số trong thương mại điện tử.	Ít nhất 02 tổ	Đạt	Đổi với xã nhóm 1 đạt tối thiểu 04 tổ
2.2	Nhóm hỗ trợ, kết nối	Nhóm trên nền tảng số hỗ trợ bán hàng	Số lượng nhóm hỗ trợ do các xã lập ra trên các nền tảng số để hỗ trợ người dân địa phương bán hàng trên mạng xã hội (Zalo, Facebook...) để hỗ trợ cộng đồng tham gia vào hoạt động thương mại điện tử.	Ít nhất 02 nhóm	Đạt	Đổi với xã nhóm 1 đạt tối thiểu 04 nhóm
2.3	Chủ thể tiêu biểu	Chủ thể kinh doanh đầu tàu dẫn dắt và hỗ trợ cộng đồng TMĐT địa phương	Số lượng chủ thể kinh doanh địa phương đóng vai trò “đầu tàu” hay “dẫn dắt” các chủ thể kinh doanh khác trong địa phương triển khai thương mại điện tử và hỗ trợ thu mua, nhân ký gửi sản phẩm để bán hộ cho người dân cho người dân.	Ít nhất 01 chủ thể	Đạt	Đổi với xã nhóm 1 đạt tối thiểu 02 chủ thể
2.4	Số lượng phiên Livestream bán hàng	Phiên livestream bán hàng do chính quyền địa phương chủ trì trong 01 năm	Số lượng phiên livestream do các đơn vị thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, xã chủ trì tổ chức các phiên livestream để bán các sản phẩm, dịch vụ đặt trưng của địa phương.	Ít nhất 02 phiên/năm	Đạt	Đổi với xã nhóm 1 đạt tối thiểu 04 phiên/năm

STT	Mục đánh giá	Thành phần đánh giá	Nội dung đánh giá	Nhận dạng đánh giá	Mức đánh giá	Ghi chú
2.5	Dịch vụ logistics và giao nhận	Điểm trung chuyển, bưu cục chuyển phát	Số lượng đơn vị đơn vị cung ứng dịch vụ bưu chính, chuyển phát hoặc logistics trên địa bàn xã thực hiện dịch vụ lấy hàng tận nơi, giao hàng cho tổ chức, cá nhân tham gia thương mại điện tử.	01 đơn vị	Đạt	Đối với xã nhóm 1 có ít nhất 02 đơn vị
III	Mức độ triển khai hoạt động thương mại điện tử					
3.1	Mức độ tham gia kinh doanh trực tuyến	Tỷ lệ chủ thể kinh doanh có website bán hàng hoặc gian hàng trực tuyến trên nền tảng TMĐT trung gian	Tỷ lệ (%) chủ thể kinh doanh tại địa bàn có website bán hàng hoặc gian hàng trực tuyến trên nền tảng thương mại điện tử trung gian được Bộ Công Thương xác nhận đăng ký	Trên 20%	Đạt	Đối với xã nhóm 1 đạt ít nhất 30%
3.2	Mức độ hiện diện của sản phẩm địa phương trên các nền tảng số thương mại điện tử trung gian	Tỷ lệ số hóa sản phẩm OCOP và sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu	Tỷ lệ (%) sản phẩm OCOP (3 sao trở lên) và các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (từ cấp tỉnh trở lên) của xã trung bày, giới thiệu hoặc bán trên các nền tảng số thương mại điện tử được Bộ Công Thương xác nhận.	Trên 60%	Đạt	Đối với xã nhóm 1 đạt ít nhất 80%

STT	Mục đánh giá	Thành phần đánh giá	Nội dung đánh giá	Nhận dạng đánh giá	Mức đánh giá	Ghi chú
3.3	Mức độ ứng dụng truy xuất nguồn gốc sản phẩm	Tỷ lệ sản phẩm có QR và truy xuất nguồn gốc	Tỷ lệ sản phẩm OCOP (3 sao trở lên) và các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (từ cấp tỉnh trở lên) của xã có mã QR truy xuất nguồn gốc, minh bạch hóa quy trình sản xuất trên môi trường trực tuyến.	Trên 80%	Đạt	Đổi với xã nhóm 1 đạt 100%
3.4	Kết quả hoạt động TMDT	Tổng giá trị giao dịch thương mại điện tử của các chủ thể kinh doanh trên địa bàn xã.	Tổng doanh thu từ hoạt động bán hàng trực tuyến của các chủ thể kinh doanh có đăng ký kinh doanh hoặc hoạt động thương mại điện tử trên địa bàn xã	Ít nhất 200 tỷ đồng	Đạt	Đổi với xã nhóm 1 đạt tối thiểu 500 tỷ đồng



“DỰ THẢO”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2026

**BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, VIỆC PHÂN QUYỀN,
PHÂN CẤP, VIỆC ỨNG DỤNG, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC,
CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ, ĐẢM BẢO
 BÌNH ĐẲNG GIỚI, VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC
 TRONG DỰ THẢO THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ
 NỘI DUNG TIÊU CHÍ THUỘC BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG
 THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 THUỘC PHẠM VI
 QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công đã tiến hành đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đảm bảo bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương (sau đây gọi tắt là Dự thảo Thông tư). Kết quả như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

1. Bối cảnh xây dựng dự thảo Thông tư

Thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 về Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 – 2030; trong đó giao nhiệm vụ cho các Bộ, cơ quan trung ương liên quan: “...căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, ban hành hướng dẫn thực hiện đối với các nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 và các điều kiện thuộc Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn

2026 - 2030 trong thời gian 90 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định này, phù hợp với điều kiện thực tế”.

Trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030, Bộ Công Thương được giao hướng dẫn thực hiện 04 nội dung, gồm: (1) Nội dung tiêu chí số 2.4: Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định; (2) Nội dung tiêu chí số 2.5: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; (3) Nội dung thuộc tiêu chí số 3.10: Có cụm công nghiệp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật; (4) Nội dung tiêu chí số 7.3: Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử.

Việc ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương là cần thiết, là căn cứ để các địa phương trên cả nước cụ thể hóa việc áp dụng nội dung tiêu chí đối với từng nhóm xã trên địa bàn, phù hợp với điều kiện thực tế và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Mục đích, yêu cầu đánh giá

- Mục đích: (i) Đánh giá nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đảm bảo tính hợp lý, cần thiết, hợp pháp của thủ tục hành chính, của việc phân cấp, phân quyền, ứng dụng, thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số,...trước khi Thông tư được ban hành; (ii) Rà soát, đánh giá nhằm lựa chọn phương án, giải pháp tối ưu cho việc ban hành mới thủ tục hành chính trong dự thảo Thông tư (nếu có) phù hợp với thực tiễn, đáp ứng nhu cầu quản lý và phát triển kinh tế - xã hội.

- Yêu cầu: (i) Đánh giá toàn diện, khách quan, trung thực, đảm bảo sự cần thiết, phù hợp và đồng bộ của các quy định trong Dự thảo Thông tư với các quy định của pháp luật hiện hành về thủ tục hành chính, về phân cấp, phân quyền, về đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số,...; (ii) Kết quả đánh giá thủ tục hành chính phải là cơ sở để đề xuất quy định hoặc không quy định thủ tục hành chính trong dự thảo Thông tư; (iii) Tiến hành rà soát, đánh giá sự phù hợp của các nội dung, quy định trong Dự thảo Thông tư với chủ trương của Đảng, Nhà nước về phân cấp, phân quyền; yêu cầu về ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số,...

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá tác động thủ tục hành chính:

Qua rà soát, Dự thảo Thông tư được xây dựng nhằm hướng dẫn cụ thể các nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn

2026-2030 ban hành kèm theo Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, hướng dẫn phương pháp đánh giá các tiêu chí để các địa phương làm căn cứ để thực hiện và cụ thể hóa việc áp dụng nội dung tiêu chí đối với từng nhóm xã trên địa bàn, phù hợp với điều kiện thực tế và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Dự thảo Thông tư không quy định quy trình xử lý theo từng bước cụ thể (như: trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thành phần, hồ sơ, thời hạn giải quyết, đối tượng, kết quả thực hiện, mẫu đơn, tờ khai,..., những bộ phận tạo thành một thủ tục hành chính). Do vậy, đối chiếu với quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ), dự thảo Thông tư không phát sinh thủ tục hành chính.

2. Việc phân quyền, phân cấp

Qua rà soát, đối chiếu với các quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15, Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Dự thảo Thông tư không quy định nội dung liên quan đến việc phân quyền, phân cấp.

3. Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Dự thảo Thông tư quy định việc hướng dẫn thực hiện nội dung tiêu chí số 7.3: Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử trên địa bàn cấp xã; trong đó quy định các nội dung tiêu chí gồm: hạ tầng internet, mức độ ứng dụng kinh doanh bán hàng trực tuyến, kỹ năng số, tỷ lệ sản phẩm địa phương được số hóa, thanh toán không dùng tiền mặt, Livestream bán sản phẩm đặc trưng của địa phương,... và phương pháp đánh giá xã được công nhận “đạt” tiêu chí triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử. Việc các địa phương áp dụng triển khai thực hiện, cụ thể hóa nội dung tiêu chí này đối với từng nhóm xã trên địa bàn sẽ tạo ra sự chuyển đổi thực chất từ tư duy sản xuất truyền thống sang kinh tế số bền vững, góp phần xây dựng nông thôn mới hiện đại. Các quy định tại Dự thảo Thông tư liên quan đến hướng dẫn thực hiện nội dung tiêu chí số 7.3 phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phù hợp với quy định của Luật Thương mại điện tử số 122/2025/QH15.

4. Việc đảm bảo bình đẳng giới

Các quy định tại Dự thảo Thông tư phù hợp với yêu cầu bảo đảm quyền bình đẳng về cơ hội, điều kiện, năng lực thụ hưởng các quyền, lợi ích hợp pháp của mỗi giới, không làm phát sinh bất bình đẳng giới.

5. Việc thực hiện chính sách dân tộc

Việc triển khai các quy định tại Dự thảo Thông tư không làm ảnh hưởng đến nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển giữa các dân tộc; quyền bình đẳng giữa các dân tộc; các điều kiện bảo đảm phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số; việc bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc;...

Trên đây là đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đảm bảo bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương./.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

“DỰ THẢO”

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ NỘI DUNG TIÊU CHÍ THUỘC BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG VỚI VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới (sau đây viết tắt là <i>NTM</i>) giai đoạn 2026 - 2030: Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Quyết định này quy định Bộ tiêu chí quốc gia về NTM giai đoạn 2026 - 2030, gồm: a) Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2026 - 2030 (Phụ lục I); b) Quy định khung thí điểm xây dựng xã NTM hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 (Phụ lục II); c) Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2026 - 2030 (Phụ lục III). 2. Quyết định này áp dụng đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các	Dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2026 - 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, được bố cục thành 03 chương, 4 mục, 13 điều, với nội dung chính như sau: Chương I QUY ĐỊNH CHUNG Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Thông tư này hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 theo Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương (bao gồm: 04 nội dung tiêu chí). Điều 2. Đối tượng áp dụng Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố (sau đây gọi chung là ủy ban nhân dân cấp tỉnh), ủy ban nhân dân các xã, các cơ quan, đơn vị, tổ	Việc quy định cụ thể phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng trong dự thảo Thông tư đã bám sát quy định về “<i>Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</i>” tại Điều 1 Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Trong đó, đã thể hiện rõ: - Về phạm vi điều chỉnh: Chỉ hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí và điều kiện về lĩnh vực công thương thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2026 - 2030 thuộc trách nhiệm hướng dẫn của Bộ Công Thương. - Về đối tượng áp dụng: Chỉ áp dụng đối với các địa phương, cơ quan có liên quan đến việc thực hiện một số nội dung tiêu chí về lĩnh vực công thương nêu trên trong quá trình triển

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
cơ quan khác ở trung ương có liên quan (gọi chung là bộ, cơ quan trung ương); Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã; các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình triển khai Bộ tiêu chí quốc gia về NTM giai đoạn 2026 - 2030.	chức, cá nhân có liên quan đến các tiêu chí quy định tại Điều 1 Thông tư này. Điều 3. Giải thích từ ngữ Giải thích một số từ ngữ tại Thông tư	khai tỏ chức thực hiện xây dựng NTM giai đoạn 2026-2030.
Phụ lục I BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NTM GAJ ĐOẠN 2026 - 2030 <i>(Kèm theo Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ)</i>	Chương II HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ NỘI DUNG TIÊU CHÍ THUỘC BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NTM GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 Tại Chương II có tổng số 04 mục, 08 điều, trong đó hướng dẫn cụ thể việc thực hiện 04 nội dung tiêu chí gồm: - Nội dung tiêu chí số 2.4: Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định (<i>Mục 1; Điều 4, 5</i>). - Nội dung tiêu chí số 2.5: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (<i>Mục 2; Điều 6, 7</i>). - Nội dung thuộc tiêu chí số 3.10: Có cụm công nghiệp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật (<i>Mục 3; Điều 8, 9</i>). - Nội dung tiêu chí số 7.3: Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử (<i>Mục 4; Điều 10, 11</i>).	Tại Chương II của dự thảo Thông tư đã hướng dẫn cụ thể việc thực hiện một số nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2026 - 2030: (1) Phù hợp với quy định tại Phụ lục I và khoản 1 Điều 3 Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; (2) Phát huy vai trò, trách nhiệm của Bộ Công Thương trong công tác quản lý, hướng dẫn về xây dựng NTM theo ngành, lĩnh vực được giao quản lý; (3) Đề các cơ quan, địa phương có liên quan thống nhất áp dụng trong công tác triển khai thực hiện, đánh giá kết quả xây dựng xã NTM về lĩnh vực công thương và đề nghị xét, công nhận, góp phần đảm bảo chất lượng xã đạt chuẩn NTM của các địa phương phải tương đương nhau.
Điều 3. Tổ chức thực hiện 3. UBND các tỉnh, thành phố: <i>"a) Căn cứ hướng dẫn của các bộ, cơ quan trung ương liên quan đối với các nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM</i>	Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH Điều 12. Tổ chức thực hiện 1. UBND tỉnh, thành phố: căn cứ hướng dẫn tại Chương II Thông tư này, cụ thể hóa việc áp dụng nội dung tiêu chí đối với từng nhóm xã	Tại Chương III của dự thảo Thông tư đã quy định cụ thể về tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành: (1) Phù hợp với quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3, Điều 4 Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; (2) Đề

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH <i>giai đoạn 2026 - 2030, cụ thể hóa việc áp dụng các nội dung tiêu chí phù hợp với điều kiện thực tế và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; bảo đảm mức yêu cầu không thấp hơn mức chuẩn và hướng dẫn của các bộ, cơ quan trung ương”.</i> Điều 4. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành 1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02 năm 2026. 2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.	DỰ THẢO THÔNG TƯ (xã nhóm 1, xã nhóm 2, xã nhóm 3) trên địa bàn, phù hợp với điều kiện thực tế và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, bảo đảm mức yêu cầu không thấp hơn mức chuẩn và hướng dẫn tại Chương II Thông tư này. 2. Trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc Bộ Công Thương a) Cục Đối mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công: Chịu trách nhiệm hướng dẫn triển khai, xử lý các vướng mắc phát sinh (nếu có) trong quá trình thực hiện các quy định tại Điều 7, Điều 8 Thông tư này. Đầu mối phối hợp với các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Công Thương theo dõi, tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Bộ kết quả thực hiện Thông tư này. b) Cục Điện lực: Chịu trách nhiệm hướng dẫn triển khai, xử lý các vướng mắc phát sinh (nếu có) trong quá trình thực hiện các quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư này. c) Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước: Chịu trách nhiệm hướng dẫn triển khai, xử lý các vướng mắc phát sinh (nếu có) trong quá trình thực hiện các quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư này. d) Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số: Chịu trách nhiệm hướng dẫn triển khai, xử lý các vướng mắc phát sinh (nếu có) trong quá trình thực hiện các quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11 Thông tư này. Điều 13. Hiệu lực thi hành 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng ... năm 2026. 2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.	THUYẾT MINH các địa phương, cơ quan có liên quan có căn cứ pháp lý, cụ thể hóa việc áp dụng phù hợp hơn với điều kiện thực tế, đặc thù và nhu cầu phát triển của từng địa phương, khả năng của người dân và cộng đồng, đặc điểm văn hóa từng dân tộc, tạo thuận lợi cho việc chủ động, sáng tạo trong xây dựng NTM, tạo động lực huy động các nguồn lực xã hội, nâng cao trách nhiệm và hiệu quả tổ chức thực hiện, nhằm khai thác, phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh của địa phương, đảm bảo việc huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư, tránh lãng phí, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hơn chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn, phấn đấu thực hiện hoàn thành mục tiêu của Chương trình theo Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.
--	--	---

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
	3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Bộ Công Thương (qua Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công) để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.	